



1153-SS Series Tải nặng

SERIES 53 BÁNH XE CHUẨN CHÂU ÂU CÀNG INOX 53歐款不鏽鋼系列

- Tấm lắp chuẩn Châu Âu, cấu tạo cangk bánh bằng Inox được thiết kế đặc biệt, chịu tải lớn.
Bánh xe xoay chuyển linh hoạt, có khóa kép, thích hợp cho những loại xe đẩy tải nặng và vừa.
- 歐規底板，腳架採特別結構設計，荷重高、轉動靈活，雙刹制動，適用於中、重型台車。

Tải trọng 載重
125-350 kg



» Đặc điểm 特色區



Khóa sau
後刹

» Vật liệu bánh xe 輪子選項



Bánh QPU lõi nhôm
鋁芯AQPU



Bánh cao su lõi nhôm
鋁芯橡膠輪



Bánh MRC
MRC輪



Bánh Resolute đàn hồi (Xám xám)
彈力全效輪 (灰灰)



Bánh cao su đàn hồi đen (Lõi nhựa)
實心橡膠彈力輪 (塑框+黑膠條)



Bánh cao su đàn hồi xám (Lõi nhựa)
實心橡膠彈力輪 (塑框+灰膠條)



Bánh Resolute đàn hồi (Đen xanh)
彈力全效輪 (黑藍)



Bánh W Resolute
W全效輪



Bánh Resolute (cong)
全效輪 (圓弧形)



Ô bi
滾珠軸承



Ống trực/Ống bạc
中管



Ô đĩa chính xác
精密長珠軸承

» Quy cách tấm lắp 底板規格

Số thứ tự 編號	Kích thước tấm lắp 底板尺寸	Khoảng cách các lỗ lắp 底板孔距	Kích thước bu lông 安裝尼帽尺寸
1	137 x 105mm(5-3/8" x 4-1/8")	105 x 80/75mm(4-1/8" x 3-1/8")	10mm (3/8")

» Quy cách lỗ giữa/lỗ trơn 空鉚規格

Số thứ tự 編號	Đường kính lỗ giữa/lỗ trơn 孔徑
1	13mm



 Đường kính Bề rộng bánh xe 輪徑 x 輪寬	 Tải trọng 載重	 Vật liệu bánh xe 材質	 Mã sản phẩm 型號			 Ổ lăn bánh xe 軸承	 Tổng chiều cao 總高	 Lệch tâm 偏心距	 Bán kính xoay 迴旋半徑
			Càng cố định 固定	Càng xoay 活動	Có Phanh/Khóa 剎車				
150 x 40mm (6" x 1-9/16")	280kgs (615 lbs)	Bánh cao su lõi nhôm 鋁芯橡膠輪	1153-06-22-1	1153-06-22-2	1153-06-22-4	Ổ bi 滾珠軸承	190mm (7-1/2")	55mm	Xoay 131mm Khóa sau 131mm 活動131mm 後刹131mm
	350kgs (770 lbs)	Bánh MRC MRC輪	1153-06-45-1	1153-06-45-2	1153-06-45-4	Ổng trục/Ổng bạc 中管			
	125kgs (275 lbs)	Bánh cao su đàn hồi đen (Lõi nhựa) 實心橡膠彈力輪 (塑框+黑膠條)	1153-06-104-1	1153-06-104-2	1153-06-104-4				
	125kgs (275 lbs)	Bánh cao su đàn hồi xám (Lõi nhựa) 實心橡膠彈力輪 (塑框+灰膠條)	1153-06-107-1	1153-06-107-2	1153-06-107-4				
150 x 42mm (6" x 1-5/8")	350kgs (770 lbs)	Bánh QPU lõi nhôm (cong) 鋁芯AQPU (圓弧)	1153-06-87-1	1153-06-87-2	1153-06-87-4	Ổ bi 滾珠軸承	190mm (7-1/2")	55mm	Xoay 131mm Khóa sau 131mm 活動131mm 後刹131mm
150 x 50mm (6" x 2")	350kgs (770 lbs)	Bánh QPU lõi nhôm (phẳng) 鋁芯AQPU (平面)	1153-06-87-1	1153-06-87-2	1153-06-87-4	Ổ bi 滾珠軸承			
	272 kgs (600 lbs)	Bánh W Resolute W全效輪	1153-06-48-1	1153-06-48-2	1153-06-48-4	Ổ đĩa chính xác 精密長珠軸承			
	204 kgs (450 lbs)	Bánh Resolute (cong) 全效輪 (圓弧形)	1153-06-44-1	1153-06-44-2	1153-06-44-4				
160 x 40mm (6-5/16" x 1-9/16")	350kgs (770 lbs)	Bánh MRC MRC輪	1153-65-45-1	1153-65-45-2	1153-65-45-4	Ổ bi 滾珠軸承	200mm (7-7/8")	55mm	Xoay 136mm Khóa sau 136mm 活動136mm 後刹136mm
	135kgs (295 lbs)	Bánh cao su đàn hồi đen (Lõi nhựa) 實心橡膠彈力輪 (塑框+黑膠條)	1153-65-104-1	1153-65-104-2	1153-65-104-4	Ổng trục/Ổng bạc 中管			
	135kgs (295 lbs)	Bánh cao su đàn hồi xám (Lõi nhựa) 實心橡膠彈力輪 (塑框+灰膠條)	1153-65-107-1	1153-65-107-2	1153-65-107-4				
160 x 42mm (6-5/16" x 1-5/8")	350kgs (770 lbs)	Bánh QPU lõi nhôm (cong) 鋁芯AQPU (圓弧)	1153-65-87-1	1153-65-87-2	1153-65-87-4	Ổ bi 滾珠軸承			
	300kgs (660 lbs)	Bánh cao su lõi nhôm 鋁芯橡膠輪	1153-65-22-1	1153-65-22-2	1153-65-22-4				
160 x 48mm (6-5/16" x 1-7/8")	300kgs (660 lbs)	Bánh Resolute đàn hồi (Xám xám) 彈力全效輪 (灰灰)	1153-65-105-1	1153-65-105-2	1153-65-105-4	Ổ bi 滾珠軸承	200mm (7-7/8")	55mm	Xoay 136mm Khóa sau 136mm 活動136mm 後刹136mm
	300kgs (660 lbs)	Bánh Resolute đàn hồi (Đen xanh) 彈力全效輪 (黑藍)	1153-65-50-1	1153-65-50-2	1153-65-50-4	Ổ đĩa chính xác 精密長珠軸承			
160 x 50mm (6-5/16" x 2")	350kgs (770 lbs)	Bánh QPU lõi nhôm (phẳng) 鋁芯AQPU (平面)	1153-65-87-1	1153-65-87-2	1153-65-87-4	Ổ bi 滾珠軸承			
180 x 44mm (7" x 1-3/4")	350kgs (770 lbs)	Bánh QPU lõi nhôm (cong) 鋁芯AQPU (圓弧)	1153-07-87-1	1153-07-87-2	1153-07-87-4	Ổ bi 滾珠軸承	220mm (8-11/16")	55mm	Xoay 145mm Khóa sau 145mm 活動145mm 後刹145mm
180 x 50mm (7" x 2")	175kgs (385 lbs)	Bánh cao su đàn hồi đen (Lõi nhựa) 實心橡膠彈力輪 (塑框+黑膠條)	1153-07-104-1	1153-07-104-2	1153-07-104-4	Ổng trục/Ổng bạc 中管			
	175kgs (385 lbs)	Bánh cao su đàn hồi xám (Lõi nhựa) 實心橡膠彈力輪 (塑框+灰膠條)	1153-07-107-1	1153-07-107-2	1153-07-107-4				
200 x 44mm (8" x 1-3/4")	350kgs (770 lbs)	Bánh cao su lõi nhôm 鋁芯橡膠輪	1153-08-22-1	1153-08-22-2	1153-08-22-4	Ổ bi 滾珠軸承	240mm (9-1/2")	55mm	Xoay 155mm Khóa sau 155mm 活動155mm 後刹155mm
200 x 48mm (8" x 1-7/8")	325kgs (715 lbs)	Bánh Resolute đàn hồi (Xám xám) 彈力全效輪 (灰灰)	1153-08-105-1	1153-08-105-2	1153-08-105-4	Ổ bi 滾珠軸承			
	325kgs (715 lbs)	Bánh Resolute đàn hồi (Đen xanh) 彈力全效輪 (黑藍)	1153-08-50-1	1153-08-50-2	1153-08-50-4	Ổ đĩa chính xác 精密長珠軸承			
200 x 50mm (8" x 2")	350kgs (770 lbs)	Bánh QPU lõi nhôm (phẳng) 鋁芯AQPU (平面)	1153-08-87-1	1153-08-87-2	1153-08-87-4	Ổ bi 滾珠軸承			
	350kgs (770 lbs)	Bánh QPU lõi nhôm (cong) 鋁芯AQPU (圓弧)	1153-08-87-1	1153-08-87-2	1153-08-87-4				
	350kgs (770 lbs)	Bánh MRC MRC輪	1153-08-45-1	1153-08-45-2	1153-08-45-4				
	205kgs (450 lbs)	Bánh cao su đàn hồi đen (Lõi nhựa) 實心橡膠彈力輪 (塑框+黑膠條)	1153-08-104-1	1153-08-104-2	1153-08-104-4	Ổng trục/Ổng bạc 中管			
	205kgs (450 lbs)	Bánh cao su đàn hồi xám (Lõi nhựa) 實心橡膠彈力輪 (塑框+灰膠條)	1153-08-107-1	1153-08-107-2	1153-08-107-4				
	306 kgs (675 lbs)	Bánh W Resolute W全效輪	1153-08-48-1	1153-08-48-2	1153-08-48-4	Ổ đĩa chính xác 精密長珠軸承			
	272 kgs (600 lbs)	Bánh Resolute (cong) 全效輪 (圓弧形)	1153-08-44-1	1153-08-44-2	1153-08-44-4				